

Nomes dos animais em vietnamita

20 nomes de animais comuns em vietnamita

cão	con chó
vaca	con bò
porco	con lợn
gato	con mèo
ovelha	con cừu
cavalo	con ngựa
macaco (animal)	con khỉ
urso	con gấu
peixe (animal)	con cá
leão	con sư tử
tigre	con hổ
elefante	con voi
rato (animal)	con chuột
pombo	con chim bồ câu
caracol	con ốc sên
aranha	con nhện
rã	con ếch
serpente	con rắn
crocodilo	con cá sấu
tartaruga (terrestre)	con rùa cạn



www.flashcardo.com/pt/cartoes-didaticos-em-vietnamita/

Palavras relacionadas com animais em vietnamita

animal	động vật
mamífero	động vật có vú
pássaro	con chim
inseto	côn trùng
réptil	bò sát
jardim zoológico	vườn bách thú
veterinário	bác sĩ thú y
quinta	nông trại
floresta	rừng
rio	con sông
lago	hồ
deserto	sa mạc

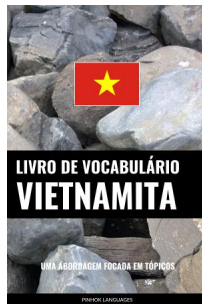


www.pinhok.com/pt/aprenda-vietnamita/

Mamíferos em vietnamita

panda	con gấu trúc
girafa	con hươu cao cổ
camelo	con lạc đà
lobo	con chó sói
zebra	con ngựa vằn

urso polar	con gấu Bắc cực
canguru	con chuột túi
rinoceronte	con tê giác
leopardo	con báo hoa mai
chita	con báo săn
burro	con lừa
esquilo	con sóc
morcego	con dơi
raposa	con cáo
ouriço	con nhím
lontra	con rái cá



www.pinhok.com/pt/aprenda-vietnamita/

Pássaros em vietnamita

pato	con vịt
galinha	con gà
ganso	con ngỗng
coruja	con cú
cisne	con thiên nga
pinguim	con chim cánh cụt
avestruz	con đà điểu

corvo	con quạ
pelicano	con bồ nông
flamingo	con hồng hạc

Insetos em vietnamita

mosca	con ruồi
borboleta	con bướm
abelha	con ong
mosquito	con muỗi
formiga	con kiến
libelinha	con chuồn chuồn
gafanhoto	con châu chấu
lagarta	con sâu bướm
térmita	con mối
joaninha	con bọ rùa

Animais marinhos em vietnamita

baleia	con cá voi
tubarão	con cá mập
golfinho	con cá heo
foca	con hải cẩu
medusa	con sứa
polvo	con bạch tuộc
tartaruga (marinha)	con rùa
estrela-do-mar	con sao biển
caranguejo	con cua

